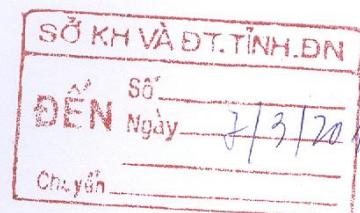




CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ
DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 21

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 – Báo cáo tài chính của Công ty Xổ số kiến thiết

- Bảng cân đối kế toán	22 - 23
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	24

Phụ lục 2 - Báo cáo tài chính của Xí nghiệp In Đồng Nai

- Bảng cân đối kế toán	25
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	26



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Công ty

Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai theo Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4704000536 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 8 năm 2008, đã đăng ký thay đổi lần 8 vào ngày 2 tháng 11 năm 2016.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 3 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Xí nghiệp In Đồng Nai là đơn vị trực thuộc được đặt tại số 48 đường Nguyễn Văn Tri, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trong năm 2016, hoạt động chủ yếu của Công ty là xổ số kiến thiết; dịch vụ in; dịch vụ thương mại, kinh doanh bất động sản, dịch vụ quảng cáo.

2. Chủ tịch Công ty, các thành viên của Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Công ty, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Chủ tịch Công ty

Ông Phạm Minh Đạo	Chủ tịch	Được bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch	Miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 11 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng

Ông Nguyễn Công Đức	Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 11 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 11 năm 2016
Ông Phan Hữu Giồng	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 1 năm 2016
Bà Trần Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm vào ngày 19 tháng 9 năm 2016
Bà Lê Anh Thư	Kế toán trưởng	

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Bà Phạm Nguyễn Thùy Vân

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SÓ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

5. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
 - Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
 - Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tuỳ thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
 - Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
 - Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kê toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chủ tịch Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

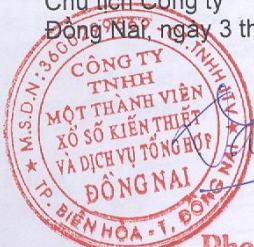
Ông PHẠM MINH ĐÀO

ÔNG PHẠM MINH
Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty
Bên: Ngày 3 tháng 3 năm 2017

Dong Nai, ngày 3 tháng 3 năm 2017

Phạm Minh Đạo





Tel : +84 8 3911 0033
Fax : +84 8 3911 7439
www.bdo.vn

Indochina Park Tower, 1/F
4 Nguyen Dinh Chieu Street
District 1, Ho Chi Minh City
Vietnam

Số : DNLOT/044.HCM.16

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 3 tháng 3 năm 2017 từ trang 4 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

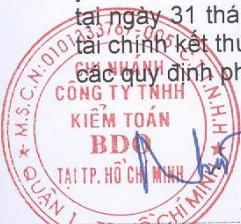
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TP. HỒ CHÍ MINH
TRẦN THỊ MAI HƯƠNG
Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0417-2013-038-1

PHẠM THỊ VÂN
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1830-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SÓ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐẾN Số:
(HS) Ngày: 07/05/2017
Chuyển:

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.665.684.926.407	1.608.211.001.714
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	113.916.096.840	201.038.054.208
Tiền	111		113.916.096.840	201.038.054.208
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	1.240.892.077.300	1.119.658.828.777
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.240.892.077.300	1.119.658.828.777
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		299.764.936.576	275.598.440.140
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	217.517.000.623	195.594.266.849
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		367.182.000	4.068.236.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	81.896.330.053	75.951.513.391
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(15.576.100)	(15.576.100)
Hàng tồn kho	140	4.5	9.231.343.941	9.343.207.471
Hàng tồn kho	141		9.231.343.941	9.343.207.471
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.880.471.750	2.572.471.118
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.095.404.170	929.773.105
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	785.067.580	1.642.698.013
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		221.146.327.647	212.047.579.231
Tài sản cố định	220		29.187.482.428	19.690.998.008
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	29.187.482.428	19.690.998.008
Nguyên giá	222		54.895.963.313	46.970.995.848
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.708.480.885)	(27.279.997.840)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		180.000.000	180.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(180.000.000)	(180.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	4.7	7.523.839.284	7.921.575.288
Nguyên giá	231		10.257.320.127	10.257.320.127
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.733.480.843)	(2.335.744.839)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.287.459.935	4.287.459.935
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.287.459.935	4.287.459.935
Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	180.147.546.000	180.147.546.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	253		180.147.546.000	180.147.546.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.886.831.254.054	1.820.258.580.945

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả	300		686.831.254.054	620.441.093.060
Nợ ngắn hạn	310		686.681.254.054	620.291.093.060
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.090.753.000	765.693.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.8	13.527.610.200	6.983.698.700
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	4.9	524.763.963.501	491.878.612.261
Phải trả người lao động	314		5.310.481.628	3.289.375.539
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		42.407.000	80.694.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	18.648.652.750	2.300.000
Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	4.11	114.672.499.500	110.703.347.500
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	4.12	8.624.886.475	6.587.372.060
Nợ dài hạn	330		150.000.000	150.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		150.000.000	150.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.13	1.200.000.000.000	1.199.817.487.885
Vốn chủ sở hữu	410		1.200.000.000.000	1.199.817.487.885
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	(182.512.115)
- lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- năm hiện hành	421b		-	(182.512.115)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.886.831.254.054	1.820.258.580.945



NGUYỄN CÔNG ĐỨC

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 3 tháng 3 năm 2017

LÊ ANH THƯ

Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.483.228.481.099	3.359.947.126.079
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		453.250.986.166	437.365.478.656
Doanh thu thuần	10	5.1	3.029.977.494.933	2.922.581.647.423
Giá vốn hàng bán	11	5.2	2.502.963.812.028	2.418.366.973.270
Lợi nhuận gộp	20		527.013.682.905	504.214.674.153
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	85.991.866.722	73.459.468.905
Chi phí tài chính	22	5.4	1.510.283.076	4.686.503.522
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.510.283.076	4.686.503.522
Chi phí bán hàng	25	5.5	563.108.469	379.022.379
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	56.756.288.501	44.306.223.839
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		554.175.869.581	528.302.393.318
Thu nhập khác	31	5.7	772.659.090	143.300.000
Chi phí khác	32	5.8	88.518.863	1.713.079.268
Lợi nhuận khác	40		684.140.227	(1.569.779.268)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		554.860.009.808	526.732.614.050
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	107.381.449.825	115.932.987.342
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		447.478.559.983	410.799.626.708



NGUYỄN CÔNG ĐỨC

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 3 tháng 3 năm 2017

LÊ ANH THƯ

Kế toán trưởng



(*) Lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền lương và quỹ khích thưòng, không lợi về
nhà đầu tư.

Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 3 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	554.860.009.808	526.732.614.050
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.710.643.583	1.811.199.728
Các khoản dự phòng	03	3.969.152.000	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(86.598.275.812)	(73.459.468.905)
Chi phí lãi vay	06	1.510.283.076	4.686.503.522
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</i>	08	476.451.812.655	459.770.848.395
Tăng các khoản phải thu	09	(17.545.921.501)	(25.323.502.357)
Giảm hàng tồn kho	10	111.863.530	1.239.172.792
Tăng các khoản phải trả	11	9.254.803.749	12.495.585.264
Tăng chi phí trả trước	12	(165.631.065)	(281.664.154)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.510.283.076)	(4.686.503.522)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(92.446.447.499)	(152.478.608.620)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.420.000	60.375.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.962.209.147)	(2.890.312.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	371.190.407.646	287.905.389.898
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.809.391.999)	(149.622.588)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	606.409.090	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(121.233.248.523)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	83.266.799.314
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	80.228.922.220	83.252.577.236
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(52.207.309.212)	166.369.753.962
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (*)	36	(406.105.055.802)	(452.454.793.693)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(406.105.055.802)	(452.454.793.693)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	50	(87.121.957.368)	1.820.350.167
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	60	201.038.054.208	199.217.704.041
	70	113.916.096.840	201.038.054.208

(*) Nợ phản lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp và trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi về ngân sách Nhà nước.



NGUYỄN CÔNG ĐỨC

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 3 tháng 3 năm 2017

LÊ ANH THƯ

Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai theo Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3600299669 (số cũ là 4704000536) đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 8 năm 2008, đã đăng ký thay đổi lần 8 vào ngày 2 tháng 11 năm 2016.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 3 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Xí nghiệp In Đồng Nai là đơn vị trực thuộc được đặt tại số 48 đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là xổ số kiến thiết; dịch vụ in : in vé số, in offset, in bao bì, in sách, báo, tem, nhãn, biểu mẫu, chứng từ và văn hóa phẩm; dịch vụ thương mại, khách sạn và ăn uống; xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư; xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành in, xổ số; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo.

Trong năm 2016, hoạt động chủ yếu của Công ty là xổ số kiến thiết; dịch vụ in; dịch vụ thương mại; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 118 người (2015 là 120 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định có liên quan.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Đối với hoạt động xổ số : Theo thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 4 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, công nợ của đại lý được xác định theo giá trị tiền vé đã tiêu thụ được trong kỳ, tối đa không quá 21 ngày (3 tuần) kể từ ngày nhận vé bán; Công ty ủy quyền cho đại lý trả thường tối đa các giải thưởng có giá trị từ giải nhất trở xuống, mức phí ủy quyền không được vượt quá 0,2% trên tổng giá trị giải thưởng đại lý đã thanh toán theo ủy quyền; Thời hạn lưu trú đối với các loại vé, cuống vé không tiêu thụ hết tối thiểu là 37 ngày (30 ngày trong thời hạn lãnh thưởng của vé số và 7 ngày kể từ ngày hết thời hạn lãnh thưởng của vé số).

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao nhanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 3,5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 5 năm
Thiết bị văn phòng	2,5 - 4 năm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.5 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

3.6 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư bao gồm :

- Nhà tại số 92-94 đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
- Nhà Trạm giao dịch số 148 – 154 đường Lê Hồng Phong, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (cho Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam thuê 50% mặt bằng).

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra tính đến thời điểm xây dựng hoàn thành bất động sản đó.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản là 25 năm.

3.8 Đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư trái phiếu, đầu tư cổ phiếu hoặc đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), . . và thời hạn dự kiến thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm.

Đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, khoản tiền lãi phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào khoản mục doanh thu tài chính và được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Đối với hoạt động xổ số : Theo công văn số 15230/BTC-TCNH ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc ấn định doanh số phát hành xổ số truyền thống tối đa cho từng kỳ đợt với Công ty là 80 tỷ đồng/kỳ vé; và theo công văn số 17394/BTC-TCNH ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính thi các kỳ vé tép thì được tăng doanh số phát hành 10 tỷ đồng/kỳ vé cho 4 kỳ vé xuân trong dịp Tết Nguyên đán năm 2016.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.11 Dự phòng rủi ro trả thưởng

Dự phòng rủi ro trả thưởng được ghi nhận theo hướng dẫn của Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 2 tháng 1 năm 2014 của Bộ Tài chính đối với công ty xổ số kiến thiết như sau :

- Điều kiện được trích lập dự phòng trả thưởng: Trong năm tài chính tỷ lệ trả thưởng thực tế của công ty nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng.
- Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đối với các công ty xổ số miền Nam không được vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong năm vượt giới hạn trên, Công ty phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.
- Công ty sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

3.12 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty cổ phần Bóng Đá Đồng Nai	Đồng Nai - Việt Nam	Đầu tư vốn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.13 Trình bày lại báo cáo tài chính năm trước

Theo biên bản kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty do Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII thông báo vào ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty phải điều chỉnh tăng thuế giá trị gia tăng đầu ra là 192.896.711 VND và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp là 10.384.596 VND.

Công ty điều chỉnh hồi tố sai sót này bằng cách trình bày lại các số liệu so sánh năm trước, và ảnh hưởng việc điều chỉnh sai sót này như sau:

	Mã số	Số liệu trên báo cáo năm trước VND	Điều chỉnh tăng/(giảm) VND	Trình bày lại VND
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Thuế và các khoản phải thu lại nhà nước				
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	153	(1.632.313.417)	(10.384.596)	(1.642.698.013)
Lợi nhuận chưa phân phối	313	491.685.715.550	192.896.711	491.878.612.261
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015				
Chi phí khác	32	1.520.182.557	192.896.711	1.713.079.268
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	526.925.510.761	(192.896.711)	526.732.614.050
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	115.943.371.938	(10.384.596)	115.932.987.342
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	410.982.138.823	(182.512.115)	410.799.626.708
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015				
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	01	526.925.510.761	(192.896.711)	526.732.614.050
Tăng các khoản phải trả	11	12.302.688.553	192.898.711	12.495.587.264

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền mặt - VND	5.858.221.491	4.508.318.866
Tiền gửi ngân hàng - VND	108.057.875.349	196.529.735.342
	113.916.096.840	201.038.054.208

Trong đó :

- Tiền mặt tại:		
Công ty Xổ số	5.856.675.352	4.401.583.937
Xí nghiệp In	1.546.139	106.734.929
	5.858.221.491	4.508.318.866
- Tiền gửi ngân hàng tại:		
Công ty Xổ số	104.287.256.587	194.166.817.077
Xí nghiệp In	3.770.618.762	2.362.918.265
	108.057.875.349	196.529.735.342

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của Công ty tại các ngân hàng như sau:

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
NH TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) - CN Đồng Nai	91.283.000.000	116.944.000.000
NH Công Thương - CN Đồng Nai	267.500.000.000	225.000.000.000
NH Công Thương - Khu công nghiệp Biên Hòa	15.000.000.000	40.318.055.556
NH Đầu tư phát triển - CN Ba tháng hai	152.000.000.000	101.000.000.000
NH Đầu tư phát triển - CN Nam Đồng Nai	38.963.000.000	26.385.222.917
NH Đầu tư Phát triển - CN Đồng Nai	102.366.013.000	88.115.563.943
NH Đầu tư Phát triển - CN Biên Hòa	77.563.898.500	-
NH Đầu tư Phát triển - Gia Định	78.636.000.000	70.960.000.000
NH Đầu tư Phát triển - Đông Đồng Nai	20.500.000.000	12.000.000.000
NH Đầu tư Phát triển - CN Sài Gòn	78.600.000.000	41.400.000.000
NH Đầu tư Phát triển - KCN Biên Hòa	-	104.000.000.000
NH Đầu tư Phát triển - CN Hàm Nghi	62.000.000.000	75.000.000.000
NH TMCP Phát triển TP.HCM - CN Đồng Nai	9.000.000.000	-
NH TMCP Phát triển TP.HCM - CN SGD Đồng Nai	10.000.000.000	-
NH Nông nghiệp PT Nông thôn chi nhánh quận 5	-	20.000.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai	38.266.685.000	36.300.409.000
NH TMCP Sài Gòn (SCB)	100.903.000.000	65.223.000.000
NH Nông nghiệp PTNT Đồng Nai	4.909.680.800	11.381.774.400
NH TMCP Đông Á - CN Đồng Nai	10.000.000.000	16.500.000.000
NH TMCP Liên Việt - CN Đồng Nai	39.130.800.000	40.000.000.000
NH Ngoại Thương - CN Đồng Nai	31.320.000.000	15.900.000.000
NH TMCP Á Châu Đồng Nai	-	1.230.802.961
NH Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	12.950.000.000	12.000.000.000
	1.240.892.077.300	1.119.658.828.777

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Giá gốc:		
Đầu tư vào Công ty CP Bóng đá Đồng Nai	10.000.000.000 (*)	10.000.000.000
Mua 11.710 cổ phiếu Công ty cổ phần in số 4, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu	147.546.000	147.546.000
Mua 18.000.000 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu	180.000.000.000	180.000.000.000
	190.147.546.000	190.147.546.000
Dự phòng:		
Đầu tư vào Công ty CP Bóng đá Đồng Nai	(10.000.000.000) (*)	(10.000.000.000)
Giá trị thuần	180.147.546.000	180.147.546.000

(*) : Đây là giá trị khoản góp vốn vào Công ty cổ phần Bóng đá Đồng Nai (chiếm 50% vốn điều lệ) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3600878923 ngày 16 tháng 3 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 8 năm 2012. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh các hoạt động trong lĩnh vực bóng đá. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, công ty này đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp, và Công ty đã thực hiện lập dự phòng tồn thất cho toàn bộ giá trị khoản đầu tư này là 10 tỷ VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.3 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải thu khách hàng – Công ty Xổ số	216.751.181.500	194.838.113.500
Phải thu khách hàng – Xí nghiệp In	765.819.123	756.153.349
	217.517.000.623	195.594.266.849

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản phải thu khách hàng tại Công ty Xổ số gồm nợ khoanh 3 bộ của 54 đại lý vé số là 216.751.181.500 VND. Các đại lý này đã thế chấp kỳ phiếu với giá trị là 191.513.975.000 VND và ngân hàng bảo lãnh với giá trị là 30.600.000.000 VND đạt tỷ lệ 102,47%.

4.4 Phải thu khác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Lãi dự thu - tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	25.626.899.729	19.863.955.227
Cho mượn tiền – bên liên quan/ không tính lãi	56.000.000.000	56.000.000.000
Ứng tiền cho Ban kiểm soát	107.974.383	9.600.000
Phải thu khác	161.455.941	77.958.164
	81.896.330.053	75.951.513.391

4.5 Hàng tồn kho

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Nguyên liệu, vật liệu	80.782.873	217.581.590
Giấy in vé số tồn kho	7.233.053.362	7.806.664.817
Nhiên liệu	27.568.497	23.838.855
Công cụ, dụng cụ	4.848.300	6.559.500
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	22.199.072
Thành phẩm vé xổ số truyền thống tồn kho	1.885.090.909	1.266.363.637
	9.231.343.941	9.343.207.471

Hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm :

	Công ty Xổ số VND	Xí nghiệp In VND
Giấy in tồn kho	7.014.793.373	218.259.989
Nhiên liệu tồn kho	26.500.591	1.067.906
Vật liệu tồn kho	45.294.500	35.488.373
Vé xổ số truyền thống tồn kho	1.885.090.909	-
Công cụ dụng cụ	-	4.848.300
	8.971.679.373	259.664.568

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Công VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2016	24.498.277.348	16.342.481.550	5.883.172.008	247.064.942	46.970.995.848
Tăng trong năm	-	8.270.651.090	3.538.740.909	-	11.809.391.999
Thanh lý trong năm	-	(1.231.512.259)	(2.652.912.275)	-	(3.884.424.534)
Vào ngày 31/12/2016	24.498.277.348	23.381.620.381	6.769.000.642	247.064.942	54.895.963.313
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2016	8.925.748.771	12.387.903.906	5.719.280.221	247.064.942	27.279.997.840
Khấu hao trong năm	851.684.004	588.004.857	873.218.718	-	2.312.907.579
Thanh lý trong năm	-	(1.231.512.259)	(2.652.912.275)	-	(3.884.424.534)
Vào ngày 31/12/2016	9.777.432.775	11.744.396.504	3.939.586.664	247.064.942	25.708.480.885
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2016	15.572.528.577	3.954.577.644	163.891.787	-	19.690.998.008
Vào ngày 31/12/2016	14.720.844.573	11.637.223.877	2.829.413.978	-	29.187.482.428

Phân loại theo đơn vị kinh doanh

	Công ty Xổ số VND	Xí nghiệp In VND	Công VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2016	37.690.132.083	9.280.863.765	46.970.995.848
Tăng trong năm	11.809.391.999	-	11.809.391.999
Thanh lý trong năm	(2.167.022.275)	(1.717.402.259)	(3.884.424.534)
Vào ngày 31/12/2016	47.332.501.807	7.563.461.506	54.895.963.313
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2016	22.129.040.265	5.150.957.575	27.279.997.840
Khấu hao trong năm	1.964.785.383	348.122.196	2.312.907.579
Thanh lý trong năm	(2.167.022.275)	(1.717.402.259)	(3.884.424.534)
Vào ngày 31/12/2016	21.926.803.373	3.781.677.512	25.708.480.885
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2016	15.561.091.818	4.129.906.190	19.690.998.008
Vào ngày 31/12/2016	25.405.698.434	3.781.783.994	29.187.482.428

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng bao gồm:

	Công ty Xổ số VND	Xí nghiệp In VND	Công VND
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.884.227.473	296.112.571	3.180.340.044
Máy móc thiết bị	8.530.193.447	1.910.528.571	10.440.722.018
Phương tiện vận tải	2.695.966.642	226.996.000	2.922.962.642
Thiết bị văn phòng	247.064.942	-	247.064.942
	14.357.452.504	2.433.637.142	16.791.089.646
			20.675.514.180

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.7 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2016	10.257.320.127
Vào ngày 31/12/2016	10.257.320.127
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2016	2.335.744.839
Khấu hao trong năm	397.736.004
Vào ngày 31/12/2016	2.733.480.843
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2016	7.921.575.288
Vào ngày 31/12/2016	7.523.839.284

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 313.920.152 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 313.920.152 VND).

4.8 Người mua trả tiền trước

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Công ty Xổ số Xí nghiệp In	13.514.594.200 13.016.000 13.527.610.200	6.959.796.700 23.902.000 6.983.698.700

4.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp/ (phải thu) đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp/ (phải thu) cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	32.305.425.373	341.317.430.438	(349.079.231.333)	24.543.624.478
Thuế tiêu thụ đặc biệt	42.781.348.221	453.250.986.166	(463.651.605.533)	32.380.728.854
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(888.719.353)	107.381.449.825	(92.446.447.499)	14.046.282.973
Phải nộp lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp và trích lập các quỹ	406.105.055.802	442.298.744.306	(406.105.055.802)	442.298.744.306
Thuế thu nhập người trúng thưởng	7.957.590.000	99.188.770.000	(97.729.360.000)	9.417.000.000
Thuế thu nhập hoa hồng đại lý	2.729.192.865	28.783.147.415	(29.434.757.390)	2.077.582.890
Thuế thu nhập cá nhân – Nhân viên Công ty	(532.101.020)	759.632.862	(895.574.116)	(668.042.274)
Tiền thuê đất	(221.877.640)	125.760.190	(20.907.856)	(117.025.306)
Phí và lệ phí	-	232.650.000	(232.650.000)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	490.235.914.248	1.473.342.571.202	(1.439.599.589.529)	523.978.895.921
Trong đó:				
Phải nộp	491.878.612.261			524.763.963.501
Phải thu	1.642.698.013			785.067.580

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.10 Phải trả khác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Hoa hồng phải trả cho các đại lý	18.646.304.250	-
Phải trả khác	2.348.500	2.300.000
	18.648.652.750	2.300.000

4.11 Dự phòng rủi ro trả thưởng

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	110.703.347.500	110.703.347.500
Trích lập quỹ trả thưởng trong năm	3.969.152.000	-
Số dư cuối năm	114.672.499.500	110.703.347.500

4.12 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	6.587.372.060	4.540.226.939
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	4.997.303.562	4.877.083.021
Nhận từ ban thi đua khen thưởng cấp tỉnh	2.420.000	60.375.000
Sử dụng quỹ trong năm	(2.962.209.147)	(2.890.312.900)
Số dư cuối năm	8.624.886.475	6.587.372.060

4.13 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước			
Số dư 01/01/2015	1.200.000.000.000	-	1.200.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	410.799.626.708	410.799.626.708
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(4.877.083.021)	(4.877.083.021)
Nộp lợi nhuận còn lại cho ngân sách	-	(406.105.055.802)	(406.105.055.802)
Số dư 31/12/2015	1.200.000.000.000	(182.512.115)	1.199.817.487.885
Năm nay			
Số dư 01/01/2016	1.200.000.000.000	(182.512.115)	1.199.817.487.885
Lợi nhuận trong năm	-	447.478.559.983	447.478.559.983
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(4.997.303.562)	(4.997.303.562)
Nộp lợi nhuận còn lại cho ngân sách	-	(442.298.744.306)	(442.298.744.306)
Số dư 31/12/2016	1.200.000.000.000	-	1.200.000.000.000

Theo Điều lệ của Công ty, vốn điều lệ của Công ty là 1.200 tỷ đồng. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn đầu tư của chủ sở hữu là 1.200 tỷ đồng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu		
Công ty Xổ Số	3.476.031.549.531	3.354.380.863.473
Xí nghiệp In	7.196.931.568	5.566.262.606
	3.483.228.481.099	3.359.947.126.079
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(453.250.986.166)	(437.365.478.656)
Doanh thu thuần	3.029.977.494.933	2.922.581.647.423

Doanh thu của Công ty Xổ số bao gồm :

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán vé số	3.474.924.227.272	3.353.135.336.363
Doanh thu bán phế liệu	302.776.800	349.949.913
Doanh thu cho thuê bất động sản	600.000.004	691.031.742
Dịch vụ nhắn tin kết quả xổ số	204.545.455	204.545.455
	3.476.031.549.531	3.354.380.863.473

Doanh thu bán vé số : loại vé 10.000 đồng x 382.241.665 vé /1,1 = 3.474.924.227.272 VND

Doanh thu của Xí nghiệp In gồm :

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu dịch vụ in	7.173.995.204	5.558.703.061
Doanh thu bán phế liệu	22.936.364	7.559.545
	7.196.931.568	5.566.262.606

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2 Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Công ty Xổ Số	2.497.643.147.387	2.413.743.864.363
Xí nghiệp In	5.320.664.641	4.623.108.907
	2.502.963.812.028	2.418.366.973.270

Giá vốn tại Công ty Xổ số bao gồm :

	2016 VND	2015 VND
Chi phí trả thưởng	1.882.160.000.000	1.823.047.300.000
Chi phí trực tiếp phát hành vé xổ số :		
Chi phí tiền vé	615.085.411.383	590.298.828.359
Hoa hồng đại lý 15%/doanh thu thực tế	33.111.524.453	32.952.979.002
Dự phòng rủi ro trả thưởng	573.362.497.500	553.267.330.500
Chi phí 0,2% thù lao ủy quyền đại lý trả thưởng	3.969.152.000	-
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	2.300.450.800	1.771.473.400
Chi phí quay số mở thưởng	550.727.272	550.727.272
Chi phí phòng chống số đề	653.350.000	633.800.000
Chi phí đóng góp cho Hội đồng Xổ số khu vực	130.000.000	399.500.000
Chi phí phát hành giao nhận vé	40.000.000	20.000.000
Giá vốn hoạt động cho thuê bất động sản (khấu hao bất động sản đầu tư)	967.709.358	703.018.185
	397.736.004	397.736.004
	2.497.643.147.387	2.413.743.864.363

Giá vốn tại Xí nghiệp In bao gồm :

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	2.460.356.045	1.957.728.635
Chi phí nhân công	1.278.502.394	1.357.188.213
Chi phí khấu hao tài sản cố định	343.046.196	554.292.282
Chi phí gia công	674.468.880	403.328.620
Chi phí khác	564.291.126	350.571.157
	5.320.664.641	4.623.108.907

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng		
Công ty Xổ số	67.935.726.080	73.409.474.464
Xí nghiệp In	21.010.642	18.377.441
Cổ tức được chia	18.035.130.000	31.617.000
	85.991.866.722	73.459.468.905

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ KIÉN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.4 Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi vay ngân hàng	<u>1.510.283.076</u>	<u>4.686.503.522</u>

5.5 Chi phí bán hàng

Đây là khoản chi phí bán hàng của Xí nghiệp In Đồng Nai, trong đó :

	2016 VND	2015 VND
Chi phí tạo việc làm	158.533.250	127.274.500
Chi phí giao dịch khách hàng	374.880.000	212.074.455
Chi phí khác	29.695.219	39.673.424
	<u>563.108.469</u>	<u>379.022.379</u>

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	24.241.068.409	23.185.925.545
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	984.887.020	841.231.953
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.969.861.383	859.171.442
Thuế, phí lệ phí	116.940.857	174.246.507
Chi trợ cấp thôi việc	78.855.775	439.472.500
Chi phí quảng cáo	18.741.909.083	8.726.954.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.377.039.771	1.412.286.930
Các chi phí khác	9.245.726.203	8.666.934.421
	<u>56.756.288.501</u>	<u>44.306.223.839</u>

5.7 Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	606.409.090	-
Hỗ trợ thanh lý vé số cho các tỉnh	165.250.000	143.300.000
Thu khác	1.000.000	-
	<u>772.659.090</u>	<u>143.300.000</u>

5.8 Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Chi thù lao người đại diện vốn góp tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	-	1.244.742.000
Chi phí khác	<u>88.518.863</u>	<u>468.337.268</u>
	<u>88.518.863</u>	<u>1.713.079.268</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	554.860.009.808	526.732.614.050
Các khoản điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế :		
Chi phí không được khấu trừ	82.369.318	267.127.229
Thu nhập không chịu thuế (cỗ tức được chia)	(18.035.130.000)	(31.617.000)
Lợi nhuận tính thuế	536.907.249.126	526.968.124.279
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	107.381.449.825	115.932.987.342

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1 Số dư với bên có liên quan

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Công ty cổ phần Bóng đá Đồng Nai	Phải thu tiền cho mượn	56.000.000.000	56.000.000.000

6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN CÔNG ĐỨC
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 3 tháng 3 năm 2017

LÊ ANH THƯ
Kế toán trưởng